CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

BẢN TỰ CÔNG BỐ SẢN PHẨM

Số: 089/EB/2023

I. Thông tin về tổ chức, cá nhân tự công bố sản phẩm

Tên tổ chức, cá nhân: CÔNG TY TNHH DỊCH VỤ EB

Địa chỉ: Số 163, Đường Phan Đăng Lưu, Phường 01, Quận Phú Nhuận, Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam.

Điện thoại: 028.39958368 Fax: 028.39958423

Mã số doanh nghiệp: 0105696842

II. Thông tin về sản phẩm

1. Tên sản phẩm: **GIĂM BÔNG GÀ - MPX**
2. Thành phần: Thịt gà phi lê (90%), nước, muối, dextrose, hương liệu gà tự nhiên, hương liệu tự nhiên, hương liệu tổng hợp, chất chống oxy hóa (316), chất bảo quản (250), phẩm màu tự nhiên cho bề mặt (150a).
3. Thời hạn sử dụng sản phẩm: 22 ngày kể từ ngày sản xuất.
4. Quy cách đóng gói và chất liệu bao bì:
   - Quy cách đóng gói: Khối lượng tịnh: 160 g hoặc khối lượng khác theo nhu cầu khách hàng.
   - Chất liệu bao bì: Sản phẩm được đóng gói trực tiếp bằng bao bì nhựa PE/PET.
5. Tên và địa chỉ cơ sở sản xuất sản phẩm (sản phẩm nhập khẩu): SITE DE LANDIVISIAU - BP 80359, Lampaul-Guimiliau, Landivisiau, Cedex 29403, France (Pháp).

III. Mẫu nhãn sản phẩm

Đính kèm (Theo 43/2017/NĐ-CP Nghị định về Nhãn hàng hóa và 111/2021/NĐ-CP Nghị định về Sửa đổi, bổ sung một số điều nghị định số 43/2017/NĐ-CP nhãn hàng hóa).

IV. Yêu cầu về an toàn thực phẩm

1. **Chỉ tiêu kim loại nặng**: theo QCVN 8-2:2011/BYT Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia đối với giới hạn ô nhiễm kim loại nặng trong thực phẩm.

Stt	Tên chỉ tiêu	Đơn vị tính	Giới hạn tối đa
1	Cadmi (Cd)	mg/kg	0,05
2	Chì (Pb)	mg/kg	0,1

2. **Chỉ tiêu vi sinh vật**: theo QCVN 8-3:2012/BYT Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia đối với ô nhiễm vi sinh vật trong thực phẩm.

Stt	Tên chỉ tiêu	Kế hoạch lấy mẫu		Giới hạn tối đa cho phép (CFU/g)	
		n	c	m	M
1	Tổng số vi sinh vật hiếu khí	5	2	5×10^5	5×10^6
2	*E. coli*	5	2	5 x 10	5×10^2
3	*Salmonella*	5	0	Không phát hiện trong 25 g	

Trong đó:

- n: số đơn vị mẫu được lấy từ lô hàng cần kiểm tra.
- c: số đơn vị mẫu tối đa có kết quả nằm giữa m và M, tổng số mẫu có kết quả nằm giữa m và M vượt quá c là không đạt.
- m: là mức giới hạn mà các kết quả không vượt quá mức này là đạt, nếu các kết quả vượt quá mức này thì có thể đạt hoặc không đạt.
- M: là mức giới hạn tối đa mà không mẫu nào được phép vượt quá.

Chúng tôi xin cam kết thực hiện đầy đủ các quy định của pháp luật về an toàn thực phẩm và hoàn toàn chịu trách nhiệm về tính pháp lý của hồ sơ công bố và chất lượng, an toàn thực phẩm đối với sản phẩm đã công bố./.

Tp. Hồ Chí Minh, ngày 08 tháng 03 năm 2023

ĐẠI DIỆN TỔ CHỨC, CÁ NHÂN

(Ký tên, đóng dấu)

CÔNG TY TNHH DỊCH VỤ EB

LÊ THỊ MINH TRANG

Giám Đốc Chất lượng và Vệ sinh ATTP Toàn Quốc

THÔNG TIN NHÃN PHỤ

GIĂM BÔNG GÀ - MPX

Thành phần: Thịt gà phi lê (90%), nước, muối, dextrose, hương liệu gà tự nhiên, hương liệu tự nhiên, hương liệu tổng hợp, chất chống oxy hóa (316), chất bảo quản (250), phẩm màu tự nhiên cho bề mặt (150a).

Thông tin dinh dưỡng: Thành phần dinh dưỡng trên 100 g: Giá trị năng lượng 100 kcal (5%); Chất đạm 20 g (29%); Carbohydrate 0,9 g (0,3%); Đường tổng số 0,9 g (2%); Chất béo 1,8 g (3%); Chất béo bão hòa 0,6 g (3%); Natri 708 mg (35%).

Khối lượng tịnh: 160 g

Dùng trực tiếp hoặc chế biến món ăn. Nên mở gói trước khi ăn khoảng 10 phút. Bảo quản lạnh ở nhiệt độ 0 °C đến 4 °C.

Ngày sản xuất:

Hạn sử dụng:

Sản xuất bởi: SITE DE LANDIVISIAU - BP 80359, Lampaul-Guimiliau, Landivisiau, Cedex 29403, France (Pháp).

Nhập khẩu và phân phối bởi: CÔNG TY TNHH DỊCH VỤ EB, 163 Phan Đăng Lưu, P. 1, Q. Phú Nhuận, TP. Hồ Chí Minh, Việt Nam.

Cảnh báo: Không sử dụng sản phẩm khi có dấu hiệu hư hỏng hoặc hết hạn sử dụng.

Số TCB: 089/EB/2023

MONOPRIX

BLANC DE POULET

DORÉ AU FOUR

4 TRANCHES

QUALITÉ SUPÉRIEURE 160 G

CE BLANC S'EST FAIT AVOIR COMME UN BLEU

VOLAILLE ORIGINE FRANCE

0206265

BLANC DE POULET RECONSTITUÉ, TRAITÉ EN SALAISON, ET CUIT, BRUNI, DORÉ AU FOUR, DE QUALITÉ SUPÉRIEURE

INGRÉDIENTS :

Viande de filet de poulet 90% (origine : France) - eau - sel - dextrose - arôme naturel de poulet - arôme naturel - arôme - antioxydant : érythorbate de sodium - conservateur : nitrite de sodium - colorant de surface : caramel ordinaire.

CONSEILS DE PRÉPARATION :

Pour une meilleure saveur, ouvrir la barquette 10 minutes avant de servir.

CONDITIONS DE CONSERVATION :

À consommer jusqu'au / Numéro de lot : voir sur l'emballage.
À conserver entre 0°C et +4°C. À consommer rapidement après ouverture.

INFORMATIONS NUTRITIONNELLES MOYENNES	pour 1 tranche de 40 g	pour 100 g
Energie	162 kJ 38 kcal	422 kJ 100 kcal
Matières grasses	0,7 g	1,8 g
dont acides gras saturés	0,2 g	0,6 g
Glucides	0 g	0,9 g
dont sucres	0 g	0,9 g
Protéines	8 g	20 g
Sel	0,72 g	1,8 g

Cet emballage contient 4 tranches de 40 g.

Conditionné sous atmosphère protectrice.

SERVICE CLIENTS MONOPRIX www.monoprix.fr

0 800 08 4000 Service & appel gratuits

Distribué par MONOPRIX EXPLOITATION 92116 Clichy Cedex

FR 29.097.020 CE

FR BAC DE TRI

Séparez les éléments avant de trier

EMB 29 097B
ID=C1CT
0206265V2

POIDS NET : 160 g

3 350033 834026

Ngày 22 tháng 02 năm 2023

CÔNG TY TNHH DỊCH VỤ EB

LÊ THỊ MINH TRANG
Giám Đốc Chất Lượng và Vệ Sinh ATTP Toàn Quốc

PHÒNG TƯ PHÁP

72

MONOPRIX

BLANC DE POULET DORÉ AU FOUR

4 TRANCHES

QUALITÉ SUPÉRIEURE 160 G

CE BLANC S'EST FAIT AVOIR COMME UN BLEU

VOLAILLE ORIGINE FRANCE

BLANC DE POULET RECONSTITUÉ, TRAITÉ EN SALAISON, ET CUIT, BRUNI, DORÉ AU FOUR, DE QUALITÉ SUPÉRIEURE

INGRÉDIENTS :

Viande de filet de poulet 90% (origine : France) - eau - sel - dextrose - arôme naturel de poulet - arôme naturel - arôme - antioxydant : érythorbate de sodium - conservateur : nitrite de sodium - colorant de surface : caramel ordinaire.

CONSEILS DE PRÉPARATION :

Pour une meilleure saveur, ouvrir la barquette 10 minutes avant de servir.

CONDITIONS DE CONSERVATION :

À consommer jusqu'au / Numéro de lot : voir sur l'emballage.
À conserver entre 0°C et +4°C. À consommer rapidement après ouverture.

INFORMATIONS NUTRITIONNELLES MOYENNES	pour 1 tranche de 40 g	pour 100 g
Energie	162 kJ 38 kcal	422 kJ 100 kcal
Matières grasses	0,7 g	1,8 g
dont acides gras saturés	0,2 g	0,5 g
Glucides	0 g	0,9 g
dont sucres	0 g	0,9 g
Protéines	8 g	20 g
Sel	0,72 g	1,8 g

Cet emballage contient 4 tranches de 40 g.

Conditionné sous atmosphère protectrice.

SERVICE CLIENTS MONOPRIX www.monoprix.fr

0 800 08 4000 Service & appel gratuits

Distribué par MONOPRIX EXPLOITATION 92116 Clichy Cedex

FR 29.097.020 CE

EMB 29 097B
ID=C1CT
0206265V2

POIDS NET : 160 g

3 350033 834026

Séparez les éléments avant de trier

MONOPRIX

GIĂM BÔNG GÀ - MPX

ỨC
GÀ
NƯỚNG VÀNG

4 LÁT

GIA CẦM
NGUỒN GỐC TỪ PHÁP

CHẤT LƯỢNG CAO 160 G

ỨC GÀ ĐƯỢC LÀM CÒN TÁI

ỨC GÀ NGUYÊN, ĐƯỢC Ủ MUỐI VÀ NẤU CHÍN, NƯỚNG VÀNG, CHẤT LƯỢNG CAO

THÀNH PHẦN:
Thịt gà phi lê 90% (nguồn gốc: Pháp) – nước – muối – dextrose – hương liệu gà tự nhiên – hương liệu tự nhiên – hương liệu – chất chống oxy hóa: natri erythorbat
– chất bảo quản: natri nitrit – chất tạo màu bề mặt : caramel thường.
HƯỚNG DẪN SỬ DỤNG:
Để ăn ngon hơn, hãy mở khay trước khi ăn 10 phút.
ĐIỀU KIỆN BẢO QUẢN:
Hạn sử dụng/Số lô: xem trên bao bì.
Bảo quản ở nhiệt độ từ 0°C đến +4°C. Cần tiêu thụ nhanh chóng sau khi mở.

DỊCH VỤ KHÁCH HÀNG MONOPRIX
www.monoprix.fr
0 800 08 4000 Dịch vụ và cuộc gọi miễn phí

Phân phối bởi **MONOPRIX EXPLOITATION** 92116 Clichy Cedex

Hãy phân loại trước khi bỏ rác.

THÔNG TIN DINH DƯỠNG TRUNG BÌNH	Mỗi 1 lát 40 g	Mỗi 100 g
Năng lượng	162 kJ 38 kcal	422 kJ 100 kcal
Chất béo trong đó chất béo bão hòa	0,7 g 0,2 g	1,8 g 0,6 g
Cacbohydrate trong đó đường	0 g 0 g	0,9 g 0,9 g
Protein	8 g	20 g
Muối	0,72 g	1,8 g

Sản phẩm này chứa khoảng 4 lát 40g

Được đóng gói trong môi trường thanh trùng.

3 350033 834026

EMB 29 097B
ID=C1CT
0206265V2

KHỐI LƯỢNG TỊNH:
160 g

Tôi, **Đinh Nguyễn Thị Sương**, Căn cước công dân số 054191009351, cam đoan đã dịch chính xác nội dung giấy tờ/văn bản này từ tiếng Pháp sang tiếng Việt.

Ngày 03 tháng 03 năm 2023

Người dịch

Đinh Nguyễn Thị Sương

Ngày 03 tháng 03 năm 2023
(Bằng chữ: Ngày ba tháng ba
Năm hai nghìn không trăm hai mươi ba)

Tại Ủy Ban Nhân Dân Quận Phú Nhuận, thành phố Hồ Chí Minh

Tôi, Trần Ngọc Thảo
Là Phó Trưởng phòng Tư pháp

CHỨNG THỰC:
Bà **Đinh Nguyễn Thị Sương** là người đã ký vào bản dịch này ~~trước mặt tôi~~.

Số chứng thực: 031582
Quyển số: 01- SCT/CKND
Ngày 03 tháng 03 năm 2023

Phó Trưởng Phòng Tư Pháp Quận Phú Nhuận

CỘNG HÒA X.H.C.N VIỆT NAM
PHÒNG TƯ PHÁP
Q. PHÚ NHUẬN - T.P HỒ CHÍ MINH

Trần Ngọc Thảo

CÔNG TY TNHH KHOA HỌC TSL
TRUNG TÂM KIỂM NGHIỆM TSL

ilac-MRA AOSC VLAT 1.0322 ISO/IEC 17025:2017

Trang/ *Page No*: 1/1

KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM
TEST REPORT

Mã số/ *Ref. No*: TSL1230200393-12

1. **Tên khách hàng**/ *Client's Name* : **CÔNG TY TNHH DỊCH VỤ EB**
2. **Địa chỉ**/ *Client's Address* : 163 Phan Đăng Lưu, Phường 1, Quận Phú Nhuận, TP. Hồ Chí Minh, Việt Nam
3. **Ngày nhận mẫu**/ *Date sample(s) received* : 08/02/2023
4. **Ngày phân tích mẫu**/ *Date of Performance of Test* : 08/02/2023
5. **Ngày trả kết quả**/ *Date of Issue* : 13/02/2023
6. **Thông tin mẫu**/ *Name of Sample* : **GIĂM BÔNG GÀ - MPX**
7. **Mô tả mẫu**/ *Sample Description* : Mẫu chứa trong túi nhựa
8. **Ghi chú**/ *Note* :
9. **Bảng kết quả**/ *Results Table* :

STT/ *No.*		Chỉ Tiêu Thử Nghiệm/ *Testing Analysis(s)*	Kết Quả/ *Result (s)*	Đơn Vị/ *Unit*	GHPH/ *LOD*	Phương Pháp Thử/ *Test Method*
1	LS	Cadimi (Cd) (*) / Cadmium (Cd) (*)	Không phát hiện/ Not Detected	mg/kg	0.003	TS-KT-QP-27:2021
2	LS	Chì (Pb) (*) / Lead (Pb) (*)	Không phát hiện/ Not Detected	mg/kg	0.003	TS-KT-QP-27:2021
3	LS	Escherichia coli (*) / Escherichia coli (*)	Không phát hiện/ Not Detected	CFU/g	10	TCVN 7924-2:2008 (ISO 16649-2:2001)
4	LS	Salmonella spp. (*) / Salmonella spp. (*)	Không phát hiện/ Not Detected	/25g	-	TCVN 10780-1:2017 (ISO 6579-1:2017)

Chú thích/ *Remarks*:

1.(*): Chỉ tiêu thuộc phạm vi công nhận ISO/IEC 17025:2017/ (*): Items are currently within the ISO/IEC 17025:2017 accreditation scope.

2.(**): Chỉ tiêu gửi nhà thầu phụ./ (**): Items are tested by subcontractor.

3.LOD: Giới hạn phát hiện của phương pháp./ Limited of detection.

4.LS,LH,LC: Ký hiệu mã chi nhánh/ Branch code: LS – CN HCM, LH – CN Hà Nội, LC – CN Cà Mau.

PHỤ TRÁCH KỸ THUẬT
TECHNICAL MANAGER

NGUYỄN THỊ CẨM TUYÊN

GIÁM ĐỐC
DIRECTOR

M.S.D.N: 0314212615 - C.T.T.N.H.H CÔNG TY TNHH KHOA HỌC TSL THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

ĐOÀN HỮU LƯỢNG

KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM
TEST REPORT

Mã số/ *Ref. No*: TSL1230200393-12

1. **Tên khách hàng**/ *Client's Name* : **CÔNG TY TNHH DỊCH VỤ EB**
2. **Địa chỉ**/ *Client's Address* : 163 Phan Đăng Lưu, Phường 1, Quận Phú Nhuận, TP. Hồ Chí Minh, Việt Nam
3. **Ngày nhận mẫu**/ *Date sample(s) received* : 08/02/2023
4. **Ngày phân tích mẫu**/ *Date of Performance of Test* : 08/02/2023
5. **Ngày trả kết quả**/ *Date of Issue* : 13/02/2023
6. **Thông tin mẫu**/ *Name of Sample* : **GIĂM BÔNG GÀ - MPX**
7. **Mô tà mẫu**/ *Sample Description* : Mẫu chứa trong túi nhựa
8. **Ghi chú**/ *Note* :
9. **Bảng kết quả**/ *Results Table* :

STT/ *No.*		Chỉ Tiêu Thử Nghiệm/ *Testing Analysis(s)*	Kết Quả/ *Result (s)*	Đơn Vị/ *Unit*	GHPH/ *LOD*	Phương Pháp Thử/ *Test Method*
1	LS	Tổng số vi sinh vật hiếu khí (*) / Total aerobic microorganisms (*)	$4.4x10^5$	CFU/g	-	TCVN 4884-1:2015 (ISO 4833-1:2013)

Chú thích/ *Remarks*:
1.(*): Chỉ tiêu thuộc phạm vi công nhận ISO/IEC 17025:2017/ (*): Items are currently within the ISO/IEC 17025:2017 accreditation scope.
2.(**): Chỉ tiêu gửi nhà thầu phụ./ (**): Items are tested by subcontractor.
3.LOD: Giới hạn phát hiện của phương pháp./ Limited of detection.
4.LS,LH,LC: Ký hiệu mã chi nhánh/ Branch code: LS – CN HCM, LH – CN Hà Nội, LC – CN Cà Mau.

PHỤ TRÁCH KỸ THUẬT
TECHNICAL MANAGER

NGUYỄN THỊ CẨM TUYÊN

GIÁM ĐỐC
DIRECTOR

CÔNG TY TNHH KHOA HỌC TSL
M.S.D.N: 0314021584 C.T.T.N.H.H
THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

ĐOÀN HỮU LƯỢNG

1. Kết quả phân tích chỉ có giá trị trên mẫu thử nhận được từ khách hàng, tên mẫu theo khách hàng gửi / *Testing results in this test report are valid only for the sample(s) as received, sample's name as indicated of client.*
2. Báo cáo này không được sao chép một cách không đầy đủ hoặc không có sự chấp thuận của TSL./ *This report will not be reproduced except in full, without approval of TSL.*